

Bản án số: **92/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 18-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài.

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Mỹ N, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Hồ Văn Đ, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 9, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đoàn Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Mỹ N và anh Hồ Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 03-11-2008. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong lối sống và trong sinh hoạt hàng ngày; vợ chồng không tôn trọng nhau và thường xảy ra cự cãi, thường hay giận dỗi nhau. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ. Chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 3-2009 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N

xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 25-5-2018, bị đơn là anh Hồ Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện chung sống vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn. Nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị N. Quá trình chung sống không có con chung, không tạo lập tài sản chung, không có nợ người khác và cũng không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 25-5-2018, anh Hồ Văn Đ có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Mỹ N và anh Hồ Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 03-11-2008 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị N xác định vợ chồng đã ly thân trong khoảng thời gian dài từ tháng 3-2009 cho đến nay; hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương anh Đ và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh Đ. Đồng thời, chị khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai, anh Đ cũng thống nhất ly hôn với chị Nhiều. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Đ.

[4] Chị N và anh Đ thống nhất xác định trong quá trình chung sống không có con chung, không tạo lập tài sản chung, không có nợ người khác và không ai nợ lại anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị N, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Mỹ N ly hôn với anh Hồ Văn Đ.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị Đoàn Mỹ N và anh Hồ Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đoàn Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 04 tháng 5 năm 2018, chị N đã dự nộp án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng tại biên lai số 0011947 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đoàn Mỹ Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã N, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Minh Út